

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3.5 điểm)

1. Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn: HS chỉ chọn một phương án đúng

Câu 1. Dân tộc nào phân bố rộng khắp cả nước nhưng chủ yếu tập trung ở đồng bằng, trung du và ven biển?

- A. Kinh B. Mường C. Thái D. Hoa

Câu 2. Tỉnh nào có mật độ dân số trên 1000 người là

- A. Khánh Hòa B. Đà Nẵng C. Hưng Yên D. Long An

Câu 3. Cây lương thực có vai trò quan trọng nhất nước ta là

- A. cây ngô B. cây khoai C. cây lúa D. cây sắn

Câu 4. Nhân tố nào ảnh hưởng đến tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp nước ta?

- A. Nguồn nước B. Đất C. Sinh vật D. Khí hậu

Câu 5. Thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở nước ta là

- A. địa hình núi cao hiểm trở, có diện tích đất feralit lớn
B. khí hậu nóng ẩm mưa nhiều
C. nguồn nước dồi dào, sông ngòi dày đặc.
D. địa hình đồi núi thấp, có các cao nguyên, diện tích đất feralit là chủ yếu

Câu 6. Năm 2021, tỉ lệ che phủ của rừng của nước ta đạt

- A. 42% B. 41% C. 45% D. 245

Câu 7. Năm 2021, sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long là 24,3 triệu tấn; sản lượng lúa của cả nước là 43.8 triệu tấn. So với cả nước sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long chiếm

- A. 55,5% B. 55% C. 180% D. 5,5%

Câu 8. Năm 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng của đồng bằng sông Hồng là 844,8 nghìn tấn; sản lượng thủy sản khai thác là 355,3 nghìn tấn. Vậy tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác của vùng đồng bằng sông Hồng là

- A. 70% B. 70,3% C. 42% D. 29,6%

Câu 9. Hoạt động lâm nghiệp nước ta **không** bao gồm

- A. du lịch sinh thái. B. khai thác gỗ, lâm sản.
C. khoanh nuôi rừng. D. trồng và bảo vệ rừng.

Câu 10. Khu vực nào sau đây có diện tích đất phù sa lớn nhất nước ta?

- A. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng Thanh Hóa. D. Đồng bằng Nghệ Tĩnh.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai: Mỗi câu a,b,c,d học sinh chọn đúng, sai và điền vào ô trống

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giai đoạn 1989 – 2021

<i>Năm</i>	<i>1989</i>	<i>1999</i>	<i>2009</i>	<i>2019</i>	<i>2021</i>
<i>Quy mô dân số (triệu người)</i>	64,4	76,5	86	96,5	98,5
<i>Tỉ lệ gia tăng dân số (%)</i>	2,1	1,51	1,06	1,15	0,94

(nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2010, 2022)

- a. Năm 2021, dân số nước ta là 98.5 triệu người, đứng thứ 13 thế giới.
- b. Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm chủ yếu do thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình
- c. Dân số tăng nhanh, trung bình mỗi năm tăng gần 1 triệu người giai đoạn 1989-2021
- d. Để thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số, biểu đồ cột là thích hợp nhất.

Phần II: Tự luận (1.5 điểm):

Câu 1: Em hãy cho biết ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh?

-----*Chúc các con làm bài tốt*-----